

Số: 2443 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hình thành từ Dự án thành phần đoạn Vạn Ninh – Cam lộ thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 74/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài Chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh tại văn bản số 3432/BĐHCM-ĐHDA4 ngày 11/12/2025 báo cáo hoàn thành đưa vào khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với Dự án thành phần đoạn Vạn Ninh – Cam Lộ thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Cục Đường bộ Việt Nam tại văn bản số 7463/CĐBVN-KHTC ngày 26/12/2025 về việc đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao Cục Đường bộ Việt Nam quản lý các hạng mục là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hình thành từ Dự án thành phần Vạn Ninh – Cam Lộ thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng, chi tiết tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

1. Quản lý, khai thác, bảo trì các tài sản được giao tại Điều 1 theo đúng quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tăng tài sản theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

2. Trong quá trình khai thác, phối hợp với Chủ đầu tư các đơn vị có liên quan để theo dõi việc thực hiện các nội dung nêu tại Thông báo kết luận của Hội đồng kiểm tra nhà nước đối với dự án;

3. Quản lý tài sản được giao theo đúng quy định, kịp thời hạch toán điều chỉnh giá trị tài sản theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc khi có thay đổi, điều chỉnh từ cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu tại Thông báo kết luận của Hội đồng kiểm tra nhà nước số 412/TB-HĐKTNN ngày 29/9/2025 về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành các công trình, hạng mục công trình “Dự án thành phần đoạn Vạn Ninh – Cam Lộ thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025”;

2. Chủ trì phối hợp với Cục Đường bộ Việt Nam để hoàn tất thủ tục về việc trình cấp có thẩm quyền chấp thuận việc đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Vận tải và An toàn giao thông; Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Giám đốc Khu Quản lý đường bộ II, Giám đốc

Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Lê Anh Tuấn (để biết);
- Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KH-TC (Khang).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tường Văn



PHỤ LỤC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI SẢN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ GIAO CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM QUẢN LÝ

(Quyết định số: 2443 /QĐ-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
	Tổng cộng								7.719.215.836.651	7.719.215.836.651			
A	Tài sản hoàn thành từ Gói 1				40,342				4.211.293.109.681	4.211.293.109.681			
I	Đường				38,59				3.403.795.004.313	3.403.795.004.313			
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km675+400-;Km708+350)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	31,27				3.266.224.702.604	3.266.224.702.604	Tổng chiều dài đường theo hồ sơ thi công thực tế không bao gồm tổng chiều dài cầu 1,75km được liệt kê tại mục A.I.2		
2	Đường hoàn trả 1,2 và 3	Tỉnh Quảng Trị	2025	III	5,61				81.649.440.450	81.649.440.450	Mới đưa vào khai thác		
3	Nút giao QL.9C Km690+764,91 (Nhánh N1 ÷ N6; Nút giao N4 - HCM; Nút giao N1; không bao gồm phạm vi mở rộng bố trí làn tăng, giảm tốc và đường hoàn trả trên tuyến QL.9C)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	1,71				55.920.861.259	55.920.861.259	Mới đưa vào khai thác		
II	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu				1,75				807.498.105.368	807.498.105.368			
II.1	Cầu dầm I, T, Super T bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép				1,72				786.201.389.522	786.201.389.522			
	Cầu có chiều dài <300m				0,86				422.107.207.159	422.107.207.159			
1	Cầu Phú Cường - Km687+975	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,08				49.673.902.890	49.673.902.890	Mới đưa vào khai thác		
2	Cầu Nông Trường - Km696+654	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,12				57.390.898.507	57.390.898.507	Mới đưa vào khai thác		
3	Cầu An Mã 3 - Km704+895	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,21				96.744.447.729	96.744.447.729	Mới đưa vào khai thác		
4	Cầu Mỹ Đức 2 - Km680+430	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,18				85.369.802.684	85.369.802.684	Mới đưa vào khai thác		
5	Cầu Thác Cốc - Km692+071	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,28				132.928.155.346	132.928.155.346	Mới đưa vào khai thác		
	Cầu có chiều dài >300m				0,85				364.094.182.363	364.094.182.363			
6	Cầu Phú Kỳ 2 - Km682+973	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,41				147.377.173.706	147.377.173.706	Mới đưa vào khai thác		
7	Cầu An Mã 2 - Km703+150	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,44				216.717.008.657	216.717.008.657	Mới đưa vào khai thác		
II.2	Cầu dầm bán bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép				0,03				21.296.715.846	21.296.715.846			
1	Cầu Lệ Ninh - Km679+950	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,03				21.296.715.846	21.296.715.846	Mới đưa vào khai thác		
B	Tài sản hoàn thành từ Gói 1				42,990				3.507.922.726.970,00	3.507.922.726.970,00			
I.1	Đường				41,499				2.772.532.708.736,00	2.772.532.708.736,00			
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km708+350-;Km722+600)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	13,609				984.530.413.880	984.530.413.880	Chiều dài đường không bao gồm chiều dài các cầu trong tuyến được liệt kê tại mục B.I.2		
2	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km722+600-Km734+500)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	10,946				732.578.872.680	732.578.872.680			
3	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km734+500-Km740+884,83)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	5,510				472.623.736.224	472.623.736.224			

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m2)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
4	Đường hoàn trả Hồ Chí Minh Km717	Tỉnh Quảng Trị	2025	III	1,106				20.401.146.667	20.401.146.667	Mới đưa vào khai thác		
5	Đường hoàn trả Hồ Chí Minh Km734	Tỉnh Quảng Trị	2025	III	1,117				12.607.845.741	12.607.845.741	Mới đưa vào khai thác		
6	Nút giao QL.9D Km713+283 (Nhánh A, nhánh B, nhánh C, nhánh D; không bao gồm phạm vi mở rộng bố trí làn tăng, giảm tốc và đường hoàn trả trên tuyến QL.9D)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	3,252				106.310.036.924	106.310.036.924	Mới đưa vào khai thác		
7	Nút giao ĐT.75 Km727+300 (Nhánh 1, nhánh 2, Nhánh đường Hồ Chí Minh Km0+00 - Km0+418,08)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	3,603				144.060.873.764	144.060.873.764	Mới đưa vào khai thác		
8	Nút giao QL.9A Km740+000 (Nhánh 1, nhánh 1A, nhánh 2, nhánh 3, nhánh 4; không bao gồm phạm vi tuyến QL.9 và phạm vi nút giao vòng xuyên giữa nhánh 1 với QL.9)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	2,356				299.419.782.856	299.419.782.856	Mới đưa vào khai thác		
I.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu				1,491				735.390.018.234,00	735.390.018.234,00			
I.2.1	Cầu dầm I, Super T bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép				1,491				735.390.018.234,00	735.390.018.234,00			
	Cầu có chiều dài <300m				1,491				735.390.018.234,00	735.390.018.234,00			
1	Cầu vượt nút giao ĐT75 Km 727+300	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,270				202.740.013.019	202.740.013.019	Mới đưa vào khai thác		
2	Cầu Bến cát Km711+600	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,052				35.196.729.005	35.196.729.005	Mới đưa vào khai thác		
3	Cầu Bến Quan Km 713+777	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,172				74.942.130.385	74.942.130.385	Mới đưa vào khai thác		
4	Cầu Rào Trường Km 718+462,35	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,171				67.380.932.385	67.380.932.385	Mới đưa vào khai thác		
5	Cầu Vượt Suối Km 721+641,9	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,110				52.345.226.452	52.345.226.452	Mới đưa vào khai thác		
6	Cầu Bến Tắt Km 722+822	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,213				85.820.507.006	85.820.507.006	Mới đưa vào khai thác		
7	Cầu Phú Ân Km 732+184	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,111				47.656.370.616	47.656.370.616	Mới đưa vào khai thác		
8	Cầu Vĩnh An Km 739+154,32	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,217				101.673.333.169	101.673.333.169	Mới đưa vào khai thác		
9	Cầu Vượt Nút Giao Km 740+363,36	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,172				67.634.776.196	67.634.776.196	Mới đưa vào khai thác		

Ghi chú:

- Giá trị phần xây lắp mới chỉ cập nhật theo Phụ lục Hợp đồng số 15/BS-XL1 ngày 27/8/2025 của Hợp đồng Xây lắp số 289/2022/HĐXD-CT ngày 26/12/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 15/BS-XL2 ngày 12/08/2025 của Hợp đồng xây lắp số 288/2022/HĐXD-CT ngày 26/12/2022

- Các chi phí GPMB, Tư vấn, QLDA và chi phí khác theo Tổng mức đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số 905/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2022 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) và Văn bản số 2645/BDHCM-ĐHDA 4 ngày 29/9/2025 của Ban QLDA đường Hồ Chí Minh

-Về nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản thực hiện theo giá trị được quy định tại Điều 9 của Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của Chính phủ, sau khi quyết toán hoàn thành, Ban QLDA đường Hồ Chí Minh có trách nhiệm thông báo, gửi tới các đơn vị để thực hiện công tác cập nhật và điều chỉnh giá trị theo đúng quy định.